

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung thực hiện trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung thực hiện trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, gồm:

1. Xác định nội dung giao Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy

định chi tiết (sau đây viết là nội dung giao địa phương quy định chi tiết) và lập danh mục văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên (sau đây viết là danh mục văn bản quy định chi tiết).

2. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục thuế tỉnh (sau đây viết là Sở, ban, ngành).

2. Người trực tiếp tham gia xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

Văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên (sau đây viết là văn bản quy định chi tiết) quy định tại Quyết định này gồm Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết:

1. Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội.
2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
4. Nghị định của Chính phủ.
5. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Chương II

XÁC ĐỊNH NỘI DUNG GIAO ĐỊA PHƯƠNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ LẬP DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 4. Trách nhiệm xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết và lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

a) Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành có trách nhiệm xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; lập và gửi danh mục văn bản quy định chi tiết đến Sở Tư pháp bảo đảm thời hạn theo quy định pháp luật.

Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ: tên văn bản quy định chi tiết (bao gồm tên loại văn bản và tên gọi của văn bản); cơ quan ban hành văn bản quy định chi tiết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản quy định chi tiết; nội dung chính của văn bản quy định chi tiết; điều, khoản, điểm của văn bản giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan phối hợp; dự kiến thời hạn trình ban hành văn bản quy định chi tiết; dự kiến thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết.

b) Trường hợp có nội dung giao địa phương quy định chi tiết tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên nhưng không được tổng hợp vào danh mục văn bản quy định chi tiết thì Sở, ban, ngành nêu rõ lý do không tổng hợp vào danh mục văn bản quy định chi tiết tại văn bản gửi Sở Tư pháp; đồng thời báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ những khó khăn, vướng mắc và đề nghị hướng dẫn việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Trên cơ sở danh mục văn bản quy định chi tiết do các Sở, ban, ngành lập, Sở Tư pháp tổng hợp, lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành về danh mục văn bản quy định chi tiết chung trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp danh mục văn bản quy định chi tiết do Sở, ban, ngành lập chưa đầy đủ, chính xác, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Sở, ban, ngành tiếp tục nghiên cứu văn bản có nội dung giao địa phương quy định chi tiết; xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; lập và gửi danh mục văn bản quy định chi tiết đến Sở Tư pháp.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra hồ sơ do Sở Tư pháp trình, báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chỉ đạo, phân công nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân

tỉnh trình quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 3 Quyết định này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết và lập danh mục văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước

1. Căn cứ, cơ sở để xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết và lập danh mục văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

b) Văn bản của Bộ Tư pháp thông báo về danh mục các nội dung giao địa phương quy định chi tiết (nếu có).

2. Ngoài các nội dung giao địa phương quy định chi tiết được thông báo tại văn bản của Bộ Tư pháp (nếu có), Sở, ban, ngành có trách nhiệm xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết khác (nếu có); tổng hợp vào danh mục văn bản quy định chi tiết.

Điều 6. Xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết và lập danh mục văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

1. Căn cứ, cơ sở để xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết và lập danh mục văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

b) Văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ thông báo về các nội dung giao địa phương quy định chi tiết (nếu có).

2. Ngoài các nội dung giao địa phương quy định chi tiết được thông báo tại văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ (nếu có), Sở, ban, ngành có trách nhiệm xác định nội dung giao địa phương quy định chi tiết khác (nếu có); tổng hợp vào danh mục văn bản quy định chi tiết.

3. Định kỳ 6 tháng hoặc theo đề nghị của các Sở, ban, ngành, trên cơ sở danh mục văn bản quy định chi tiết do các Sở, ban, ngành lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Điều 7. Xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định hoặc phân công nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Báo cáo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền hướng dẫn những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

c) Chậm nhất ngày 23 hàng tháng, gửi thông tin về tình hình, tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, báo cáo Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết của tỉnh.

Điều 8. Điều chỉnh thời hạn trình ban hành văn bản quy định chi tiết

1. Trường hợp phải điều chỉnh thời hạn trình ban hành văn bản quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thời hạn trình ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thời hạn trình ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi hết thời hạn trình ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Văn bản đề nghị điều chỉnh phải nêu rõ tiến độ soạn thảo văn bản, lý do điều chỉnh thời hạn trình ban hành văn bản quy định chi tiết, đề xuất giải pháp và thời hạn trình ban hành văn bản quy định chi tiết, các nội dung khác (nếu có).

d) Văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản này đồng thời gửi Sở Tư pháp để theo dõi.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân

tỉnh quyết định điều chỉnh thời hạn trình ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thời hạn trình ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong các trường hợp quy định tại khoản này, đồng thời gửi Sở Tư pháp để theo dõi.

Chương III

TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH ĐỐI VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 9. Nội dung kiến nghị, phản ánh đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh

Nội dung kiến nghị, phản ánh đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

1. Nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh không phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Những vướng mắc cụ thể trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Những vấn đề khác liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Giải pháp xử lý đối với các kiến nghị, phản ánh quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 10. Hình thức kiến nghị, phản ánh đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh

Kiến nghị, phản ánh đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

1. Kiến nghị, phản ánh bằng văn bản.

2. Kiến nghị, phản ánh tại chuyên mục “Lấy ý kiến đối với việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban

hành” (sau đây viết là chuyên mục) trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành.

3. Hình thức kiến nghị, phản ánh khác.

Điều 11. Chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp xây dựng, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực tại chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai; Sở, ban, ngành xây dựng, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực do cơ quan mình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan mình, gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.

b) Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy phạm pháp luật hoặc kể từ ngày ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, ban, ngành thực hiện cập nhật văn bản quy phạm pháp luật tại chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Thu thập, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành tại chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử

a) Sở, ban, ngành thu thập, cập nhật đầy đủ, chính xác văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành tại chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan mình; đồng thời gửi văn bản quy phạm pháp luật được thu thập và đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai (trường hợp văn bản quy phạm pháp luật chưa được cập nhật tại chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai).

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy phạm pháp luật do Sở, ban, ngành gửi đến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cập nhật văn bản quy phạm pháp luật tại chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai.

Điều 12. Trách nhiệm tiếp nhận, tham mưu xử lý kiến nghị, phản ánh

1. Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành tiếp nhận, tham

muu xử lý kiến nghị, phản ánh về văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan mình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 13 Quyết định này.

2. Trường hợp kiến nghị, phản ánh không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan mình, Sở, ban, ngành phản hồi, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện việc phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh đối với văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có dấu hiệu trái pháp luật

1. Sở, ban, ngành tiếp nhận kiến nghị, phản ánh về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có dấu hiệu trái pháp luật có trách nhiệm chuyên kiến nghị, phản ánh đến Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp tổ chức thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản báo cáo những vấn đề thuộc nội dung của văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG, KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Phối hợp trong xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015

1. Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, các cơ quan khác có liên quan xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, các cơ quan khác có liên quan tham gia ý

kiến góp ý:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến góp ý về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (trường hợp có nội dung về quy định thủ tục hành chính) và nội dung khác (nếu có).

b) Sở Tài chính tham gia ý kiến góp ý đối với điều kiện về tài chính bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua và nội dung khác (nếu có).

c) Sở Nội vụ tham gia ý kiến góp ý đối với điều kiện về nhân lực bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua và nội dung khác (nếu có).

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia ý kiến góp ý đối với vấn đề giới, tác động giới của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (trường hợp có nội dung về bình đẳng giới) và nội dung khác (nếu có).

đ) Ban Dân tộc tham gia ý kiến đối với việc bảo đảm chính sách dân tộc trong đề nghị xây dựng nghị quyết (trường hợp có nội dung liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số) và nội dung khác (nếu có).

e) Các cơ quan khác có liên quan tham gia ý kiến góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị.

Điều 15. Phối hợp trong xây dựng dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm cung cấp thông tin về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành quyết định trong hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ trình dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp hồ sơ trình dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa đầy đủ hoặc việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa bảo đảm đúng quy định pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản bổ sung hồ sơ, thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh còn có vấn đề cần làm rõ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản giải trình, báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề cần làm rõ.

Thời hạn xử lý các công việc quy định tại khoản này của Văn phòng Ủy ban

nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Phối hợp tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc tự kiểm tra văn bản thường xuyên hoặc tự kiểm tra văn bản theo đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Tham gia ý kiến đối với kết quả tự kiểm tra văn bản.

2. Cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 17. Phối hợp giải trình, chứng minh văn bản ban hành đúng pháp luật, đề nghị xem xét lại đối với kết luận kiểm tra văn bản; xử lý văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp kết luận kiểm tra đối với văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình, văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm:

1. Trường hợp không thống nhất với kết luận kiểm tra, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình, chứng minh văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình đúng pháp luật.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình, chứng minh văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đúng pháp luật và đề nghị xem xét lại kết luận kiểm tra.

2. Trường hợp thống nhất với kết luận kiểm tra, cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản để xử lý văn bản trái pháp luật theo đúng thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 125 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc theo thời hạn được đề nghị tại kết luận kiểm tra văn bản (nếu có).

Điều 18. Phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Trên cơ sở tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chung của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở, ban, ngành có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chung của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Văn bản tham gia ý kiến phải nêu rõ nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất hoặc ý kiến khác (nếu có).

Điều 19. Phối hợp tham mưu xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ban, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định để xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình đã chủ trì soạn thảo, trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có phân công khác.

Điều 20. Phối hợp đề xuất điều chỉnh kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Các trường hợp điều chỉnh kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Phát hiện sai sót về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

b) Phát sinh căn cứ rà soát văn bản mới mà cần thiết phải điều chỉnh kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Điều chỉnh hình thức xử lý, thời hạn trình xử lý văn bản được rà soát, hệ thống hóa hoặc điều chỉnh các nội dung khác.

2. Sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Văn bản đề xuất, báo cáo phải nêu rõ lý do điều chỉnh kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được điều chỉnh; đề xuất giải pháp và thời hạn trình xử lý văn bản.

3. Trường hợp sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật mà phát hiện các danh mục văn bản và Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực có sai sót, Sở, ban, ngành tiến hành rà soát lại các văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của cơ quan mình; gửi thông tin, kết quả rà soát về Sở Tư pháp để tham mưu việc đánh chính kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Chương V


ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2021
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

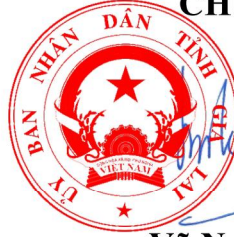
1. Sở Tư pháp tổ chức thi hành, hướng dẫn thực hiện Quyết định này; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền đối với các phản ánh, kiến nghị liên quan đến quy định tại Quyết định này.
2. Trường hợp có sự chuyển giao về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Quyết định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được chuyển giao.
3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
4. Trong quá trình áp dụng quy định tại Quyết định này, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, cá nhân gửi kiến nghị, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp).

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như khoản 5 Điều 22;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành